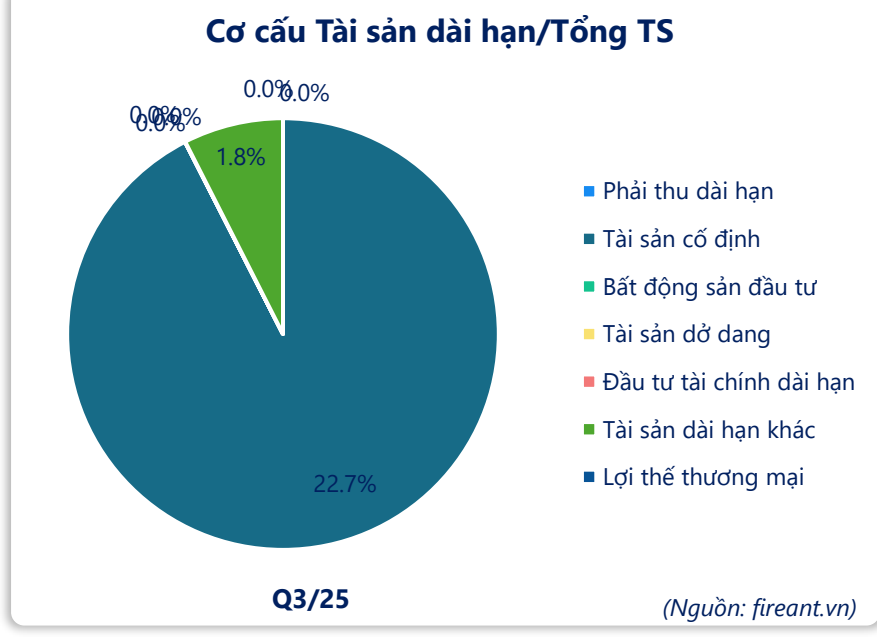
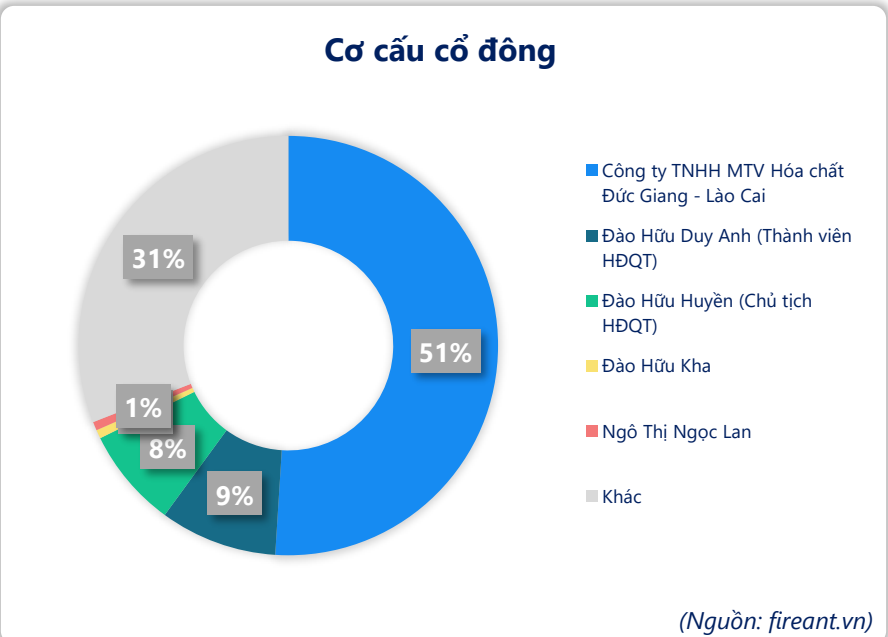
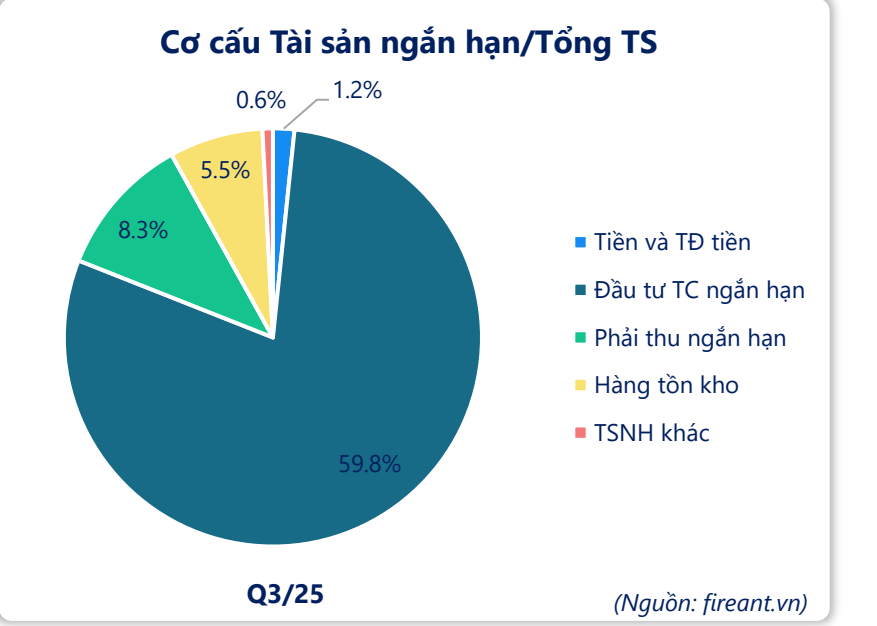
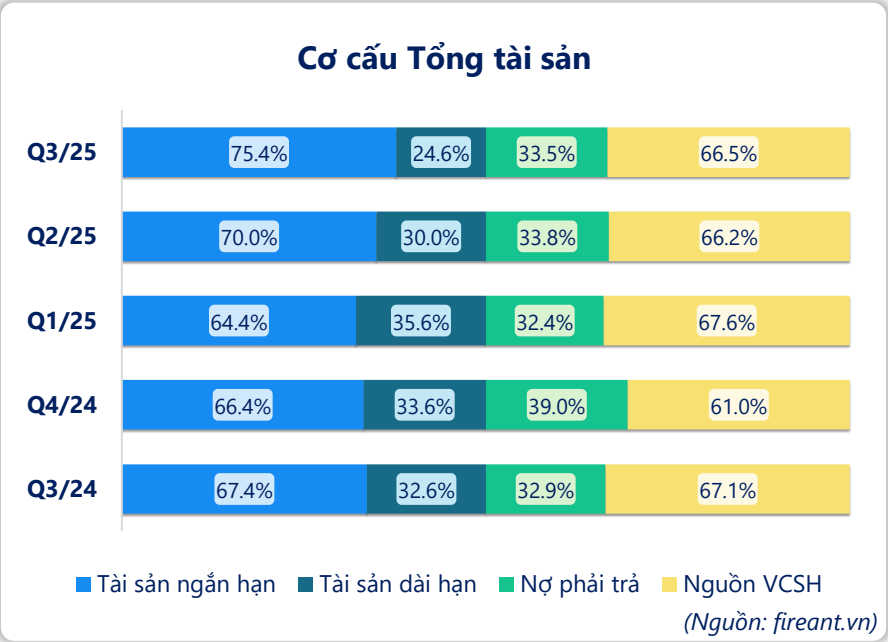
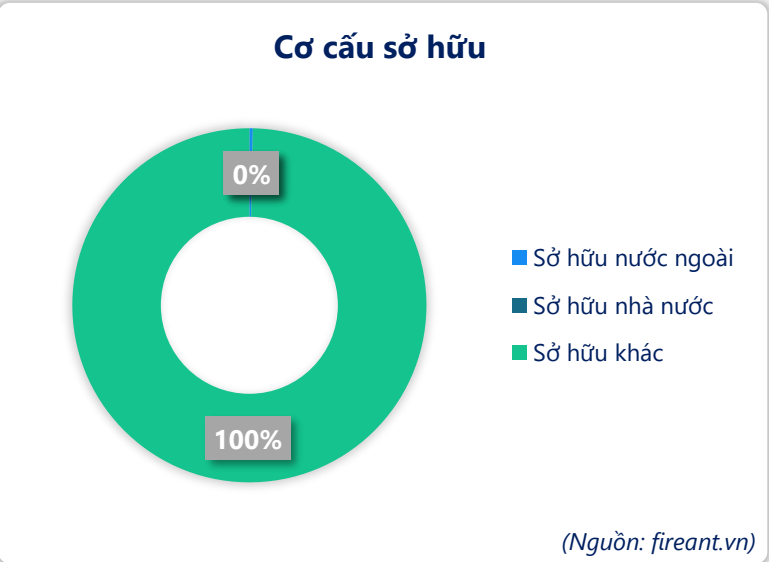
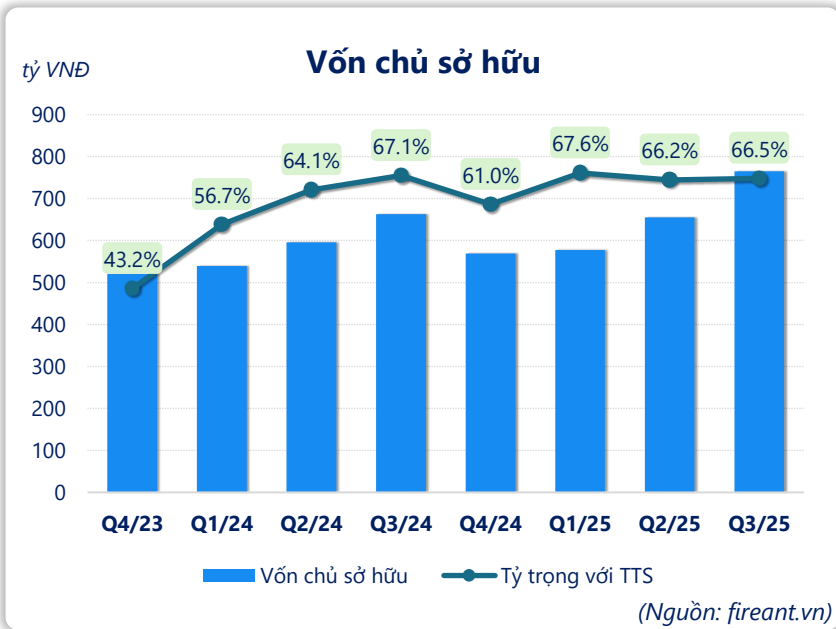
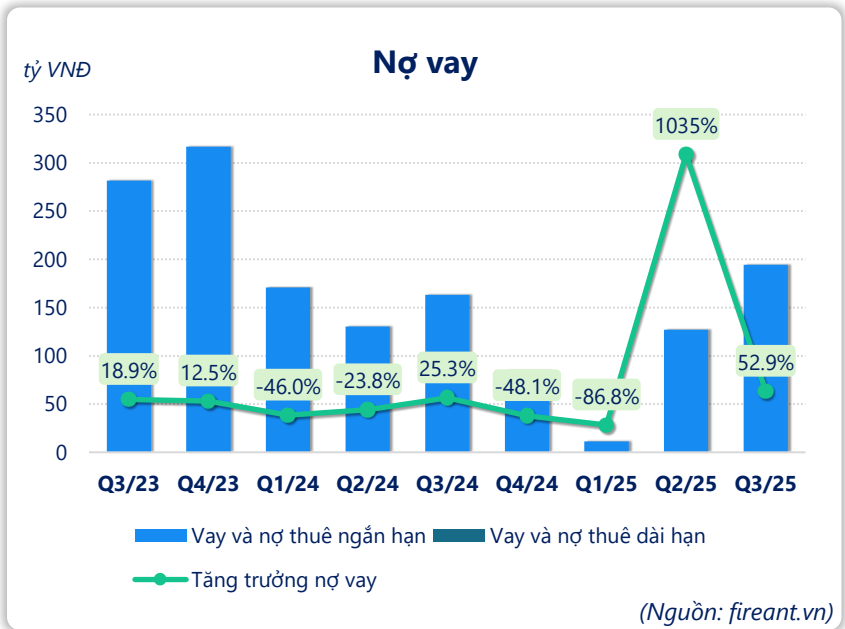
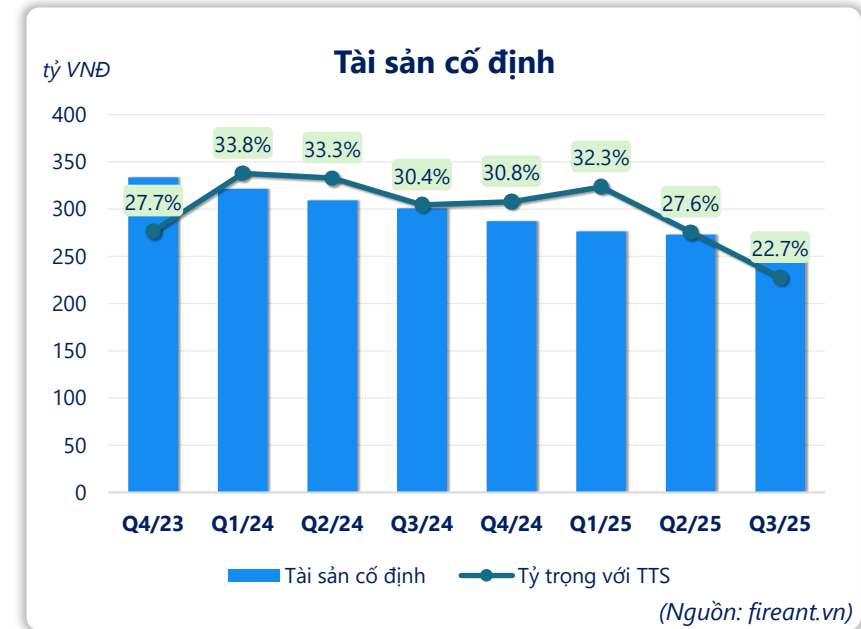
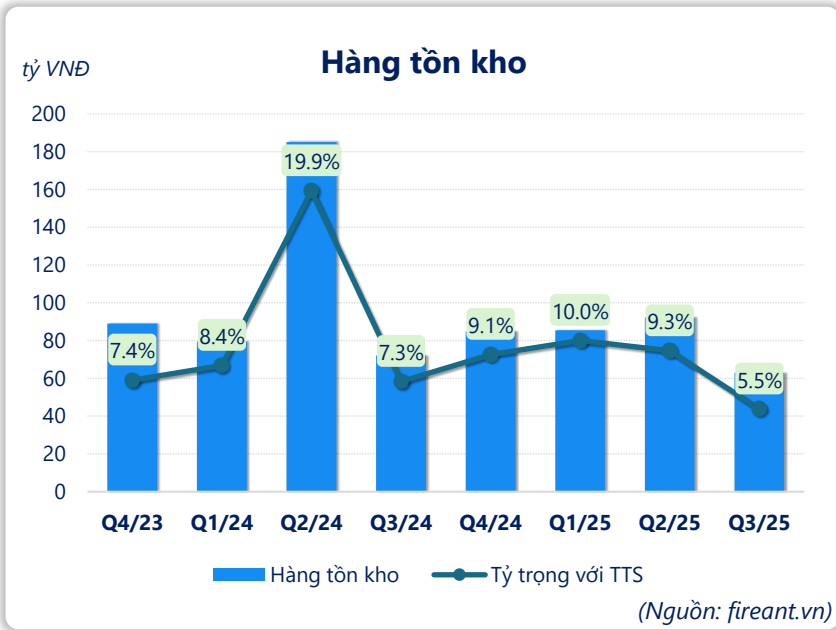
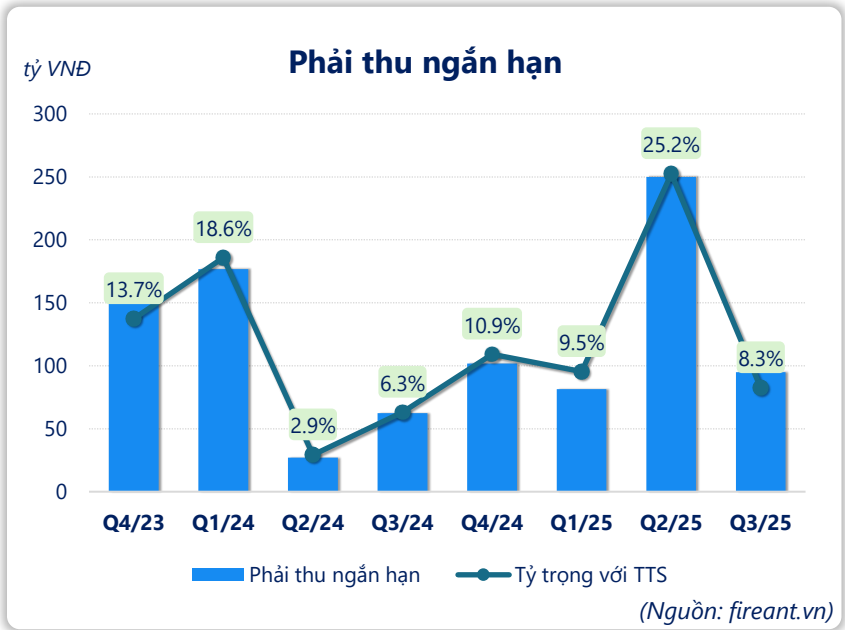
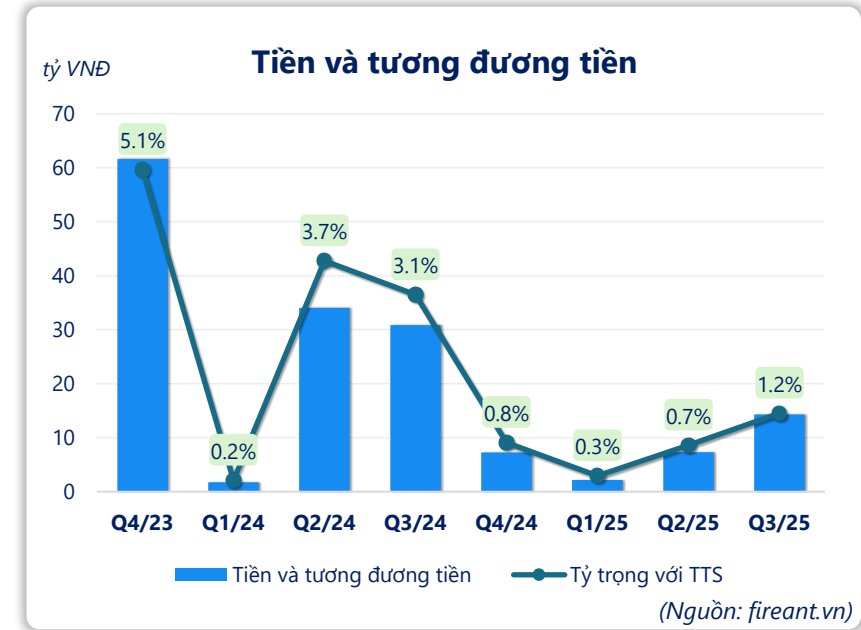
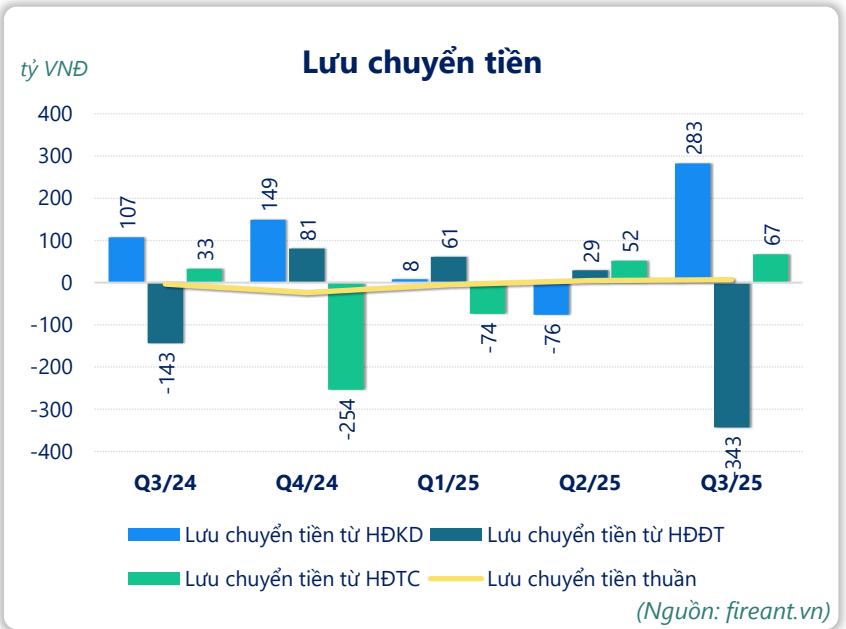
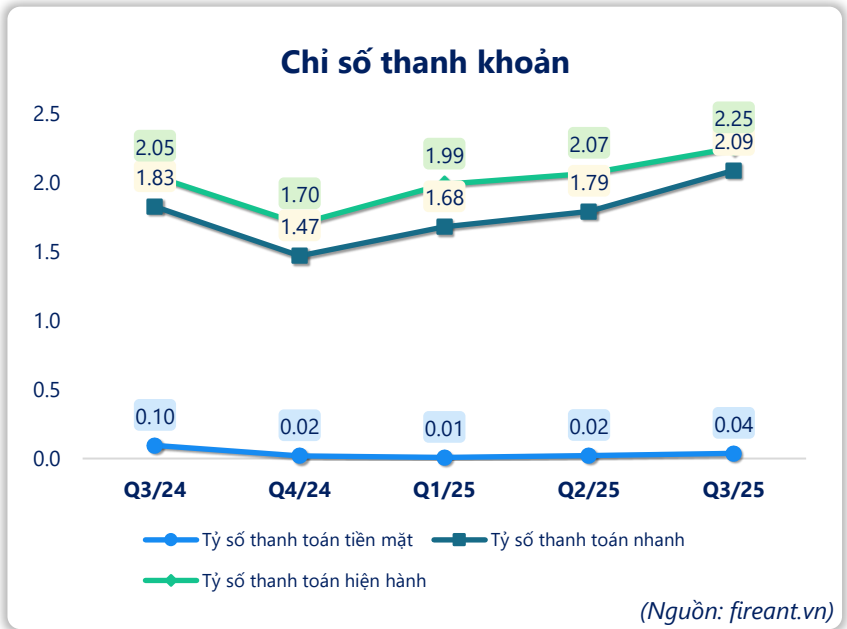
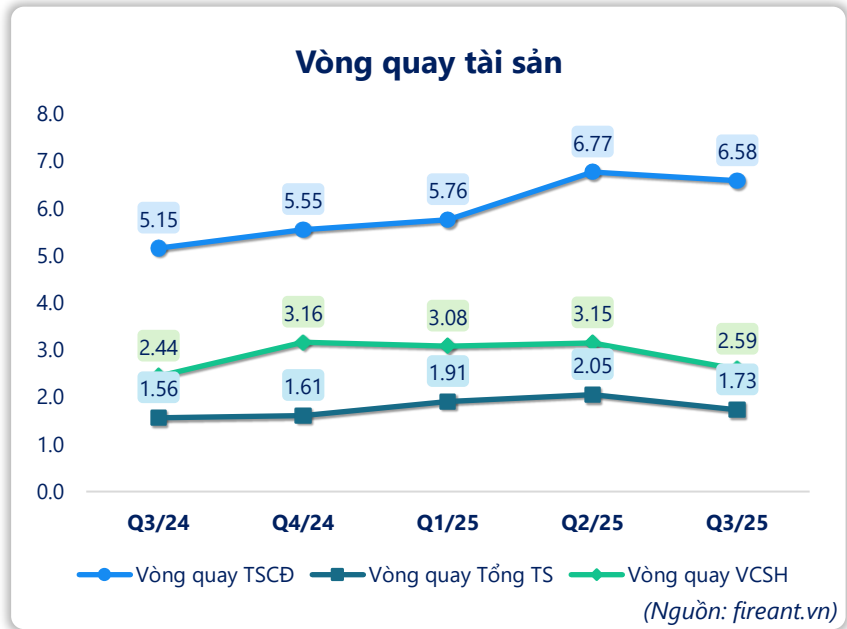
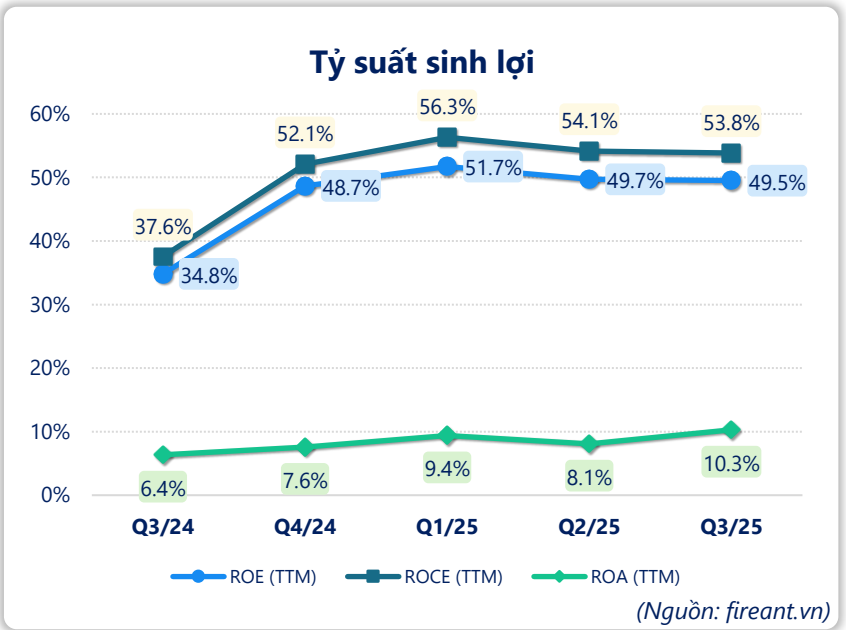
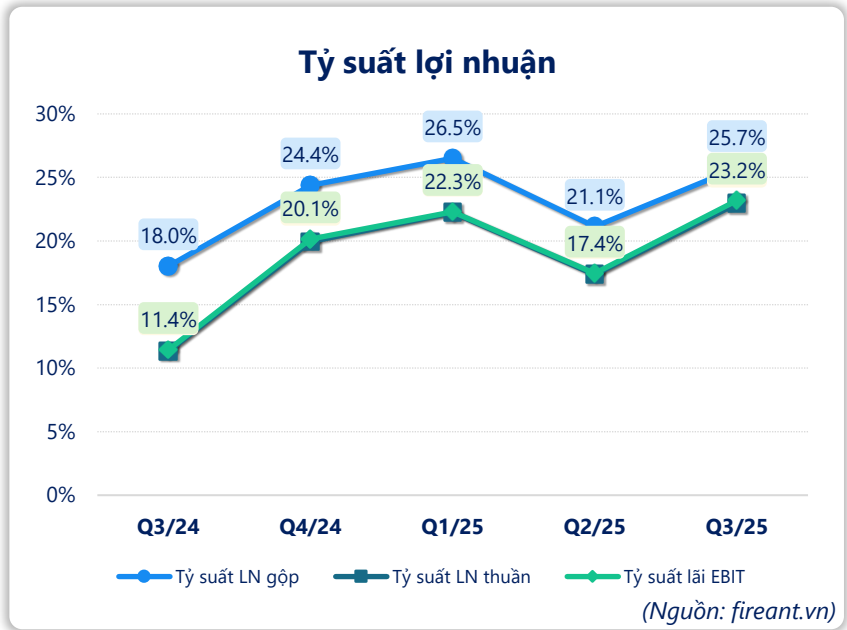
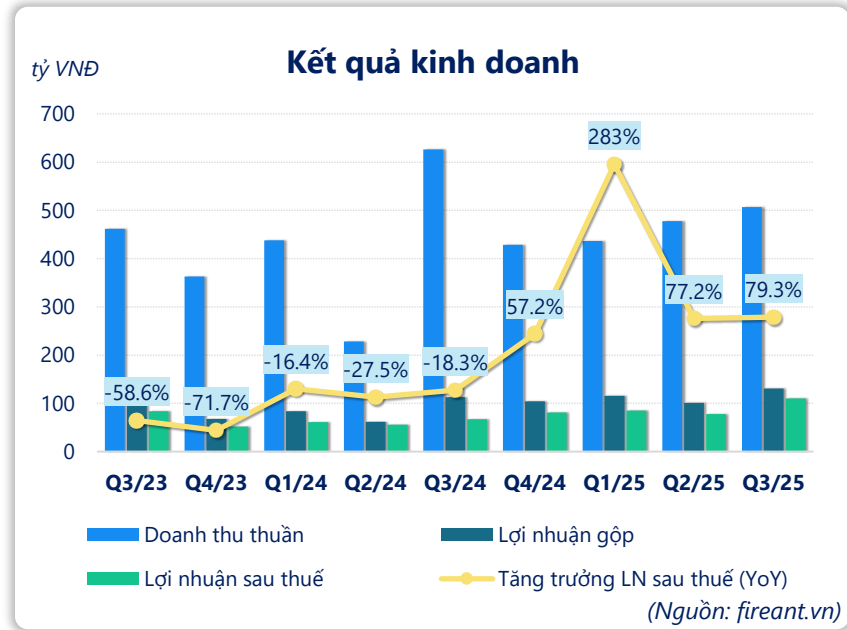


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		91,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		96,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		78,322
SL cổ phiếu LH		25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20,435
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,288
P/E		6.5
EPS		14,133

	YTD	1T	3T	6T
PAT	7.7%	-1.0%	-2.9%	2.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,150	933	23.3%
Tài sản ngắn hạn	867	619	40.0%
Tiền và tương đương tiền	14.3	7.29	96.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	688	424	62.2%
Phải thu ngắn hạn	94.9	102	-6.8%
Hàng tồn kho	62.9	84.7	-25.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.99	1.48	371%
Tài sản dài hạn	283	313	-9.7%
Phải thu dài hạn	0	2.00	-100%
Tài sản cố định	262	287	-8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.06	2.58	-97.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.2	21.4	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	385	364	5.8%
Nợ ngắn hạn	385	364	5.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	194	84.8	129%
Phải trả người bán ngắn hạn	86.9	189	-54.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	765	569	34.5%
Vốn chủ sở hữu	765	569	34.5%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	627	428	436	478	507
Giá vốn hàng bán	514	324	321	377	376
Lợi nhuận gộp	113	104	116	101	130
Doanh thu HĐTC	10.6	12.5	10.1	10.8	13.8
Chi phí TC	7.24	2.80	2.91	3.35	3.33
Chi phí lãi vay	0.65	0.82	0.24	0.48	1.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	41.6	24.4	20.9	21.7	20.6
Chi phí QLDN	3.72	4.30	4.88	3.84	4.13
LN thuần từ HĐKD	71.0	85.4	97.1	82.9	116
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0.19
LN trước thuế	71.0	85.4	97.1	82.9	116
Lợi nhuận sau thuế	67.4	81.0	84.7	77.6	110
LNST của CĐ cty mẹ	67.4	81.0	84.7	77.6	110

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	107	149	7.84	-76.1	283
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-143	80.9	60.7	29.1	-343
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	33.0	-254	-73.6	52.2	67.2
Tiền đầu kỳ	34.1	30.9	7.29	2.15	7.30
Lưu chuyển tiền thuần	-3.19	-23.6	-5.13	5.15	7.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	30.9	7.29	2.15	7.30	14.3

(Nguồn: fireant.vn)